

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định:

a) Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

b) Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- VP: CVP và các PCVP,
Các phòng NC, Phòng KT (Khương),
Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh,
Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, (Tú).

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Erân Văn Dũng

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

(Kèm theo Quyết định số: **81** /2024/QĐ-UBND

ngày **20** tháng **12** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, gồm các lĩnh vực: bình ổn giá, định giá của Nhà nước, hiệp thương giá, kiểm tra các yếu tố hình thành giá, kê khai giá, thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về giá.

2. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác liên quan trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường tại địa phương. Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp và tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện việc bình ổn giá tại địa phương đối với các mặt hàng cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Sở Tài chính phối hợp với các sở, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá theo quy định;

đ) Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với mặt hàng quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chấp hành biện pháp bình ổn giá được công bố và thực hiện kê khai lần đầu, kê khai lại mức giá hàng hóa, dịch vụ đang thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy định này.

Mục 2

ĐỊNH GIÁ

Điều 4. Đơn vị lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Doanh nghiệp nhà nước.
3. Các tổ chức, đơn vị khác sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Các tổ chức, đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng.

Điều 5. Thẩm quyền, trách nhiệm thẩm định, trình phương án giá

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý;

b) Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

c) Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

d) Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

đ) Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô;

e) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

g) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương;

c) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương;

d) Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

đ) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Xây dựng chủ trì thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước);

c) Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;

d) Giá nhà ở công vụ; nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở;

đ) Giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn; nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở;

e) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực xây dựng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Sở Y tế chủ trì thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;

b) Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;

d) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể dịch vụ đo đạc địa chính;

b) Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

c) Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân;

d) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Sở Tư pháp thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng;

b) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Sở Công Thương thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước;

b) Giá điện (bán lẻ, bán buôn); các dịch vụ về điện theo quy định của Luật Điện lực bao gồm: dịch vụ phát điện, dịch vụ truyền tải điện, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện, dịch vụ điều hành giao dịch thị trường điện lực, dịch vụ phân phối điện theo quy định của pháp luật về điện lực;

c) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực công thương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

8. Sở Tài chính thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể nước sạch;

b) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực tài chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục;

b) Giá học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học;

c) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

10. Sở Khoa học và Công Nghệ thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá tiền Bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ;

b) Giá tiền đền bù đối với quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế và người nắm độc quyền sử dụng sáng chế không thỏa thuận được;

c) Giá tiền đền bù đối với quyền sử dụng giống cây trồng được chuyển giao theo quyết định bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền;

d) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;

b) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

12. Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện thẩm định, trình phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương;

b) Khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ;

c) Giá dịch vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 6. Phân công xây dựng đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

1. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá đã có quy định, hướng dẫn về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở tên gọi chung) thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Trường hợp chưa có quy định thì các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công tại Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

Mục 3

HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 7. Hiệp thương giá

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hiệp thương giá thuê công trình ngầm trên địa bàn theo quy định pháp luật về quản lý giá.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm hiệp thương giá đối với hàng hóa thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý trừ trường hợp hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Mục 4

KÊ KHAI GIÁ

Điều 8. Đối tượng thực hiện kê khai giá

1. Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành thực hiện kê khai giá tại địa phương theo phân công tiếp nhận kê khai giá của Chính phủ;

2. Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành;

3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn (ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế) và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý.

Điều 9. Danh sách tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, lĩnh vực tham

muu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành danh sách các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn huyện. Danh sách các tổ chức kê khai giá trên địa bàn huyện không trùng với danh sách các tổ chức kê khai giá tại các bộ và các sở.

3. Định kỳ vào ngày 10 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, lĩnh vực có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức thực hiện kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức kê khai giá tại các sở; Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức kê khai giá trên địa bàn huyện. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì sở quản lý ngành, lĩnh vực tổng hợp gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc không cần ban hành Danh sách kê khai giá mới.

Điều 10. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá

Sở quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận hồ sơ kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước và hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương, cụ thể như sau:

1. Sở Công Thương chủ trì, tiếp nhận hồ sơ kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ:

- a) Xăng, dầu thành phẩm;
- b) Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- c) Thép xây dựng;
- d) Than;
- đ) Etanol nhiên liệu không biến tính;
- e) Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);
- g) Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tiếp nhận hồ sơ kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ:

- a) Thóc tẻ, gạo tẻ;
- b) Phân đạm; phân DAP; phân NPK;
- c) Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản;
- d) Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- đ) Thuốc bảo vệ thực vật;

e) Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản;

g) Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;

h) Muối ăn;

i) Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3. Sở Y tế chủ trì, tiếp nhận hồ sơ kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ:

a) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;

b) Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

c) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi;

d) Thiết bị y tế;

đ) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước;

e) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.

4. Sở Xây dựng chủ trì, tiếp nhận hồ sơ kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ:

a) Xi măng;

b) Nhà ở, nhà chung cư;

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê);

d) Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước).

5. Sở Giao thông vận tải chủ trì, tiếp nhận hồ sơ kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ:

a) Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ;

b) Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

c) Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;

d) Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch chủ trì, tiếp nhận hồ sơ kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ:

a) Dịch vụ lưu trú;

b) Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn;

c) Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, tiếp nhận hồ sơ kê khai giá đối với dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan tiếp nhận kê khai giá

1. Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá.
2. Cập nhật thông tin về giá kê khai vào cơ sở dữ liệu về giá.
3. Rà soát danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh.
4. Sử dụng mức giá do tổ chức kê khai vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá; công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật phục vụ mục tiêu bình ổn giá và thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.
5. Rà soát nội dung văn bản kê khai giá do tổ chức kê khai, bao gồm rà soát về ngày thực hiện mức giá kê khai, bảng kê khai mức giá, phần giải trình lý do điều chỉnh giá; yêu cầu bằng văn bản các tổ chức thực hiện kê khai giá cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan, báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.
6. Bảo mật mức giá kê khai của tổ chức trong thời gian mức giá kê khai chưa có hiệu lực thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá

1. Thực hiện hình thức kê khai giá theo hướng dẫn của cơ quan tiếp nhận kê khai giá.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp lý, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu và số liệu của mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá và mặt bằng giá thị trường; chấp hành thực hiện báo cáo về mức giá kê khai theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận kê khai giá để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra giá; chấp hành việc kiểm tra (bao gồm kiểm tra yếu tố hình thành giá), thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Mục 5

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 13. Hàng hóa, dịch vụ kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

2. Hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá.
3. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.
4. Hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm trong việc kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc các trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 13 Quy định này có văn bản thông báo về việc kiểm tra gửi đến tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; kết thúc kiểm tra, cơ quan kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá và đề xuất các biện pháp phù hợp. Báo cáo kết quả kiểm tra yếu tố hình thành giá phải bao gồm các nội dung về mục đích, yêu cầu, đối tượng kiểm tra, kết quả kiểm tra, nguyên nhân và thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra yếu tố hình thành giá có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 7 Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính.

Mục 6

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ngành trong công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Sở Tài chính:
 - a) Tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;
 - b) Xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, gửi Bộ Tài chính;
 - c) Cung cấp, chia sẻ báo cáo về tình hình giá cả thị trường tại địa phương; thông tin dữ liệu về giá trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định;
 - d) Tham gia với các sở, ngành có liên quan trong công tác điều hành giá thuộc thẩm quyền quản lý của các sở, ngành.
2. Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang phối hợp cung cấp báo cáo phân tích chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có); dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động dự kiến lên CPI (nếu có).

3. Sở quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý; cung cấp thông tin về cơ chế chính sách, tình hình thực hiện công tác quản lý, điều tiết giá thuộc thẩm quyền và các thông tin khác (nếu có) gồm diễn biến cung cầu, thị trường giá cả trong tỉnh các mặt hàng thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá và một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng thuộc lĩnh vực quản lý.

4. Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn huyện.

Điều 16. Nội dung báo cáo, tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ

1. Nội dung báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính.

2. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính tổng hợp:

- a) Báo cáo tháng: trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo.
- b) Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm: trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.
- c) Báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm: thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

3. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế./.